

**CHÍNH PHỦ**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2017/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

**DỰ THẢO LẦN 2**

## **NGHỊ ĐỊNH**

### **QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT DU LỊCH**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017;  
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch,  
Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch.*

## **Chương I**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật du lịch về điều tra, đánh giá, phân loại tài nguyên du lịch; phát triển sản phẩm du lịch; điều kiện công nhận điểm du lịch, khu du lịch và mô hình quản lý khu du lịch quốc gia; ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành; cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch; điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật và dịch vụ phục vụ khách du lịch của cơ sở lưu trú du lịch và nguồn hình thành Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam hoạt động du lịch trên lãnh thổ Việt Nam và ở nước ngoài.
2. Tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động du lịch trên lãnh thổ Việt Nam.
3. Cơ quan quản lý nhà nước về du lịch, cơ quan khác, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư có hoạt động liên quan đến du lịch.

## **Chương II**

### **ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ, PHÂN LOẠI TÀI NGUYÊN DU LỊCH**

#### **Điều 3. Đối tượng điều tra**

1. Tài nguyên du lịch tự nhiên chủ yếu, bao gồm :

a) Khu di sản thiên nhiên thế giới, công viên địa chất, khu dự trữ sinh quyển, khu Ramsar, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo vệ cảnh quan, khu bảo tồn biển, khu bảo tồn các loài sinh vật quý hiếm;

b) Hang động, bãi biển, đảo, hồ nước, nguồn nước khoáng, thác nước, ghềnh, sông, suối;

c) Các địa điểm có giá trị về cảnh quan, sinh thái, khí hậu, đa dạng sinh học khác có khả năng khai thác phát triển du lịch.

2. Tài nguyên du lịch văn hóa chủ yếu, bao gồm :

a) Các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được quy định tại Luật Di sản văn hóa;

b) Làng nghề truyền thống;

c) Bảo tàng;

d) Hoạt động trình diễn văn hóa, nghệ thuật; sự kiện thể thao;

đ) Các lễ hội;

e) Công trình sáng tạo của con người;

g) Các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể khác.

#### **Điều 4. Nội dung cơ bản điều tra tài nguyên du lịch**

1. Thông tin cơ bản về tài nguyên du lịch: Tên gọi, vị trí, phạm vi, diện tích, chủ thể quản lý, sử dụng.

2. Hiện trạng đầu tư, bảo vệ, tôn tạo, khai thác và sử dụng tài nguyên du lịch.

3. Đặc điểm, tính chất của tài nguyên du lịch.

4. Giá trị tài nguyên du lịch.

5. Khả năng sử dụng tài nguyên cho phát triển du lịch.

#### **Điều 5. Trách nhiệm điều tra, đánh giá, phân loại, công bố tài nguyên du lịch**

1. Trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Hướng dẫn điều tra, đánh giá, phân loại tài nguyên du lịch;

b) Tổng hợp, rà soát, xây dựng, quản lý và công bố cơ sở dữ liệu quốc gia về tài nguyên du lịch trên cơ sở kết quả điều tra, đánh giá, phân loại tài nguyên du lịch do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện và kết quả điều tra có liên quan đến tài nguyên du lịch do cơ quan nhà nước quản lý chuyên ngành thực hiện, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Trách nhiệm của các Bộ, ngành

a) Phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong việc hướng dẫn điều tra, đánh giá, phân loại tài nguyên du lịch;

b) Cung cấp dữ liệu liên quan đến tài nguyên du lịch thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

- a) Tổ chức điều tra, đánh giá, phân loại tài nguyên du lịch trên địa bàn;
- b) Báo cáo Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch kết quả điều tra tài nguyên du lịch trên địa bàn;
- c) Cập nhật, quản lý, công bố cơ sở dữ liệu tài nguyên du lịch trên địa bàn, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng tài nguyên du lịch

- a) Tổ chức điều tra tài nguyên du lịch theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;
- b) Cung cấp thông tin, dữ liệu về tài nguyên du lịch thuộc phạm vi quản lý, sử dụng.

#### **Điều 6. Kinh phí điều tra, đánh giá, phân loại tài nguyên du lịch**

1. Kinh phí điều tra, đánh giá, phân loại và công bố danh mục tài nguyên du lịch được thực hiện từ ngân sách nhà nước, đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng tài nguyên du lịch và nguồn huy động hợp pháp khác.

2. Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng kinh phí điều tra, đánh giá, phân loại tài nguyên du lịch điều tra, đánh giá, phân loại và công bố danh mục tài nguyên du lịch.

### **Chương III PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DU LỊCH**

#### **Điều 7. Sản phẩm du lịch chủ đạo**

1. Căn cứ chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển du lịch quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công bố danh mục sản phẩm du lịch chủ đạo của quốc gia và của vùng trong giai đoạn 10 năm.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tập trung nguồn lực xây dựng thương hiệu, quảng bá, xúc tiến sản phẩm du lịch chủ đạo.

3. Bộ Giao thông vận tải ưu tiên nguồn lực phát triển hệ thống hạ tầng giao thông phục vụ phát triển sản phẩm du lịch chủ đạo.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách ưu đãi đầu tư, phát triển sản phẩm du lịch chủ đạo.

5. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, phối hợp với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong việc phát triển, xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm du lịch chủ đạo.

6. Chính quyền địa phương các cấp tập trung nguồn lực phát triển hệ thống giao thông, kết cấu hạ tầng du lịch; ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban

hành chính sách ưu đãi, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sản phẩm du lịch tại địa phương.

### **Điều 8. Sản phẩm du lịch có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của khách du lịch**

Sản phẩm du lịch có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của khách du lịch khi có một hoặc một số hoạt động sau đây:

1. Bay dù lượn, khinh khí cầu, nhảy dù, đu dây mạo hiểm hành trình trên cao;
2. Đi xe đạp địa hình núi; đi xe địa hình trên đồi cát; đi trên dây; leo vách đá, leo núi, đu dây vượt thác;
3. Lặn biển, chèo thuyền vượt ghềnh thác, mô tô nước, lướt ván; ca nô kéo dù bay;
4. Thám hiểm hang động, rừng núi, đu cáp trượt;
5. Các hoạt động du lịch khác có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của khách du lịch theo quy định của pháp luật.

### **Điều 9. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tổ chức hoạt động du lịch có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của khách du lịch**

1. Có cảnh báo, chỉ dẫn về điều kiện tham gia hoạt động du lịch có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của khách du lịch.
2. Có phương án cứu hộ, cứu nạn; bố trí lực lượng cứu hộ khi có khách du lịch tham gia hoạt động du lịch và can thiệp, ứng cứu kịp thời các sự cố, tai nạn, rủi ro xảy ra.
3. Sử dụng huấn luyện viên, kỹ thuật viên, hướng dẫn viên có chuyên môn phù hợp.
4. Phổ biến các quy định về đảm bảo an toàn cho khách du lịch; hướng dẫn các thao tác kỹ thuật cho khách du lịch trước khi tham gia hoạt động.
5. Cung cấp, sử dụng, hướng dẫn sử dụng trang thiết bị, dụng cụ hỗ trợ bảo đảm an toàn cho khách du lịch.
6. Có phương án duy trì, đảm bảo thông tin liên lạc trong suốt thời gian tổ chức hoạt động.
7. Thông báo cho Sở Du lịch hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trước khi kinh doanh, khai thác hoạt động quy định tại Điều 8 Nghị định này.
8. Tuân thủ các quy định khác của pháp luật có liên quan.

### **Điều 10. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan**

1. Trách nhiệm của Sở Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
  - a) Công bố danh sách các địa điểm được tổ chức hoạt động du lịch có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của khách du lịch trên cổng thông tin điện tử của Sở;

b) Kiểm tra, giám sát các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành có tổ chức các hoạt động du lịch có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của khách du lịch.

2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân quản lý khu du lịch, điểm du lịch

a) Cho phép đơn vị đủ điều kiện theo quy định của pháp luật tổ chức các hoạt động có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của khách du lịch trong phạm vi khu du lịch, điểm du lịch

b) Phối hợp với tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức cứu hộ, cứu nạn trong trường hợp xảy ra rủi ro cho khách du lịch.

3. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành

Khi tổ chức các chương trình du lịch có hoạt động có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của khách du lịch, phải sử dụng dịch vụ do tổ chức, cá nhân đủ điều kiện theo quy định của pháp luật cung cấp.

## **Chương IV**

### **ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN ĐIỂM DU LỊCH, KHU DU LỊCH; MÔ HÌNH QUẢN LÝ KHU DU LỊCH QUỐC GIA**

#### **Mục 1**

### **ĐIỀU KIỆN CÔNG NHẬN ĐIỂM DU LỊCH, KHU DU LỊCH**

#### **Điều 11. Điều kiện công nhận điểm du lịch**

1. Có tài nguyên du lịch, có ranh giới xác định.

2. Cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ cần thiết đảm bảo phục vụ khách du lịch quy định tại điểm b khoản 1 Điều 23 Luật Du lịch, bao gồm:

a) Có kết nối giao thông thuận lợi;

b) Có điện, nước sạch; có phương tiện thông tin liên lạc;

c) Có dịch vụ ăn uống, mua sắm, giải trí hoặc các dịch vụ khác phục vụ khách du lịch.

3. Đáp ứng các điều kiện về đảm bảo an ninh, an toàn, trật tự, vệ sinh môi trường quy định tại điểm c khoản 1 Điều 23 Luật Du lịch, bao gồm:

a) Có nhà vệ sinh công cộng đạt chuẩn; có hệ thống thu gom rác thải, nước thải sinh hoạt;

b) Có biện pháp đảm bảo an ninh, an toàn cho khách du lịch.

#### **Điều 12. Điều kiện công nhận khu du lịch cấp tỉnh**

1. Có tài nguyên du lịch với ưu thế về cảnh quan thiên nhiên hoặc giá trị văn hóa, có ranh giới xác định.

2. Có kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ quy định tại điểm b và c khoản 1 Điều 26 Luật Du lịch, bao gồm:

a) Có kết nối với hệ thống giao thông đường bộ, đường thủy hoặc đường hàng không;

b) Có hệ thống cấp điện, cung cấp nước sạch và dịch vụ viễn thông;

c) Có hệ thống cơ sở vật chất, dịch vụ đảm bảo phục vụ nhu cầu lưu trú, ăn uống, mua sắm tối thiểu 100.000 (một trăm ngàn) lượt khách mỗi năm, trong đó hệ thống cơ sở lưu trú du lịch đảm bảo phục vụ tối thiểu 50.000 (năm mươi ngàn) lượt khách mỗi năm;

d) Cung cấp dịch vụ thuyết minh, hướng dẫn du lịch.

3. Đáp ứng đủ các điều kiện về đảm bảo an ninh, an toàn, trật tự, vệ sinh môi trường quy định tại điểm d khoản 1 Điều 26 Luật Du lịch, bao gồm:

a) Có bộ phận thông tin hỗ trợ khách du lịch; có đường dây nóng tiếp nhận, xử lý thông tin của khách du lịch;

b) Có nội quy, hệ thống biển chỉ dẫn, biển báo về giao thông và các dịch vụ, các điểm tham quan;

c) Có bộ phận cứu hộ, cứu nạn;

d) Có nhà vệ sinh công cộng đạt chuẩn;

đ) Có hệ thống thu gom, xử lý rác thải, nước thải sinh hoạt.

### **Điều 13. Điều kiện công nhận khu du lịch quốc gia**

1. Có tài nguyên du lịch đa dạng, đặc biệt hấp dẫn với ưu thế về cảnh quan thiên nhiên hoặc giá trị văn hóa, có ranh giới xác định.

2. Thuộc danh mục các địa điểm tiềm năng phát triển khu du lịch quốc gia trong quy hoạch được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3. Có kết nối hệ thống hạ tầng giao thông liên tỉnh; hệ thống thông tin liên lạc quốc gia; có hệ thống cung cấp điện, nước sạch và phòng chống cháy nổ.

4. Có cơ sở vật chất kỹ thuật quy định tại điểm c khoản 2 Điều 26 Luật Du lịch, bao gồm:

a) Hệ thống cơ sở vật chất, dịch vụ đảm bảo phục vụ nhu cầu tham quan tối thiểu 500.000 (năm trăm ngàn) lượt khách mỗi năm, trong đó hệ thống cơ sở lưu trú du lịch đạt tiêu chuẩn, đảm bảo phục vụ tối thiểu 300.000 (ba trăm ngàn) lượt khách mỗi năm;

b) Có hệ thống nhà hàng, cơ sở mua sắm, vui chơi giải trí và các dịch vụ du lịch khác đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch;

c) Cung cấp dịch vụ thuyết minh, hướng dẫn du lịch.

5. Đáp ứng đủ các điều kiện về đảm bảo an ninh, an toàn, trật tự, vệ sinh môi trường quy định tại điểm d khoản 1 Điều 29 Luật Du lịch, bao gồm:

a) Có bộ phận cung cấp thông tin hỗ trợ khách du lịch; có đường dây nóng tiếp nhận, xử lý thông tin của khách du lịch;

b) Có nội quy, hệ thống biển chỉ dẫn, biển báo về giao thông và các dịch vụ, các điểm tham quan;

c) Có bộ phận cứu hộ, cứu nạn;

- d) Có nhà vệ sinh công cộng đạt chuẩn;
- đ) Có hệ thống thu gom, vận chuyển, xử lý nước thải, chất thải rắn.

## **Mục 2**

### **MÔ HÌNH QUẢN LÝ KHU DU LỊCH QUỐC GIA**

#### **Điều 14. Thành lập đơn vị quản lý khu du lịch quốc gia**

1. Đơn vị quản lý khu du lịch quốc gia được thành lập, tổ chức lại, giải thể theo quy định của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện nội dung quản lý khu du lịch quốc gia quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Du lịch.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mô hình quản lý khu du lịch quốc gia căn cứ vào tính chất, quy mô, yêu cầu phát triển du lịch ; ban hành quy chế quản lý khu du lịch.

3. Đối với khu du lịch quốc gia đã có đơn vị quản lý chuyên ngành do các Bộ thành lập, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thống nhất với các Bộ về mô hình đơn vị quản lý khu du lịch quốc gia.

4. Nguồn tài chính phục vụ cho công tác quản lý khu du lịch quốc gia bao gồm: Ngân sách nhà nước; khoản thu từ phí tham quan được thực hiện theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước; khoản thu từ hoạt động dịch vụ tại khu du lịch quốc gia; khoản tài trợ và đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; các nguồn tài chính hợp pháp khác.

#### **Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị quản lý khu du lịch quốc gia**

1. Công khai quy hoạch phát triển khu du lịch; quản lý việc thực hiện quy hoạch và đầu tư theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Bảo vệ, tôn tạo, phát triển tài nguyên du lịch.

3. Kiểm tra, giám sát các nội dung và tiến độ thực hiện các dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Quản lý và thực hiện các dự án đầu tư theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền giao; phát hiện, đề xuất, kiến nghị với cấp có thẩm quyền xử lý các dự án đầu tư không đúng với quy hoạch hoặc có tác động tiêu cực đến cảnh quan môi trường.

5. Quản lý, giám sát hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch trong khu du lịch.

6. Tổ chức cung cấp thông tin, hướng dẫn, giới thiệu cho khách du lịch về các điểm tham quan; về hệ thống các sản phẩm và dịch vụ du lịch đang được khai thác.

7. Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn, hướng dẫn, bồi dưỡng kiến thức về văn hóa cộng đồng địa phương, nghiệp vụ du lịch, bảo vệ môi trường... cho các đối tượng.

8. Bảo đảm vệ sinh, môi trường du lịch; thực hiện phòng chống cháy nổ, an ninh, an toàn trong khu du lịch; đề xuất, kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm đối với các cơ sở kinh doanh gây ô nhiễm môi trường, xâm hại tài nguyên du lịch.

9. Bảo vệ lợi ích cộng đồng dân cư tại địa phương, bảo đảm sự tham gia của cộng đồng dân cư vào các hoạt động du lịch.

10. Tổ chức tiếp nhận và giải quyết kiến nghị của khách du lịch.

11. Các nhiệm vụ khác do Ủy ban Nhân dân tỉnh giao theo quy định của pháp luật.

## **Chương V**

### **KINH DOANH DU LỊCH**

#### **Mục 1**

### **KÝ QUỸ KINH DOANH DỊCH VỤ LỮ HÀNH**

#### **Điều 16. Ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành**

1. Mức ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa: 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

2. Mức ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế:

a) Kinh doanh dịch vụ lữ hành đối với khách du lịch quốc tế đến Việt Nam: 250.000.000 (hai trăm năm mươi triệu) đồng;

b) Kinh doanh dịch vụ lữ hành đối với khách du lịch ra nước ngoài: 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng.

3. Doanh nghiệp thực hiện ký quỹ bằng đồng Việt Nam tại hệ thống ngân hàng thương mại. Tiền ký quỹ phải duy trì trong suốt thời gian doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành và được hưởng lãi suất theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp và ngân hàng nhận ký quỹ phù hợp với quy định của pháp luật.

#### **Điều 17. Quản lý, sử dụng tiền ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành**

1. Tiền ký quỹ của doanh nghiệp lữ hành được sử dụng trong trường hợp sau:

a) Xảy ra tai nạn với khách du lịch hoặc các trường hợp khẩn cấp khác mà doanh nghiệp không có khả năng bố trí kinh phí kịp thời giải quyết;

b) Doanh nghiệp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trong hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành.

2. Hoàn trả tiền ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành cho doanh nghiệp trong những trường hợp sau đây:



a) Có thông báo của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành về việc doanh nghiệp không được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành;

b) Có văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc hoàn trả tiền ký quỹ liên quan đến việc thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành;

c) Có quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư.

3. Doanh nghiệp gửi văn bản đề nghị hoàn trả tiền ký quỹ kèm theo các giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều này đến ngân hàng khi có nhu cầu hoàn trả tiền ký quỹ.

## **Mục 2**

### **CẤP BIỂN HIỆU PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI KHÁCH DU LỊCH**

#### **Điều 18. Hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu cho phương tiện vận tải khách du lịch**

1. Hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu cho phương tiện vận tải khách du lịch gồm:

a) Đơn đề nghị cấp biển hiệu cho (một hoặc nhiều) phương tiện vận tải khách du lịch theo mẫu số 01 Phụ lục kèm theo Nghị định này;

b) Bảng kê thông tin về trang thiết bị của từng phương tiện, đáp ứng điều kiện về trang thiết bị, chất lượng dịch vụ, nhân viên phục vụ trên phương tiện vận tải khách du lịch đáp ứng điều kiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

c) Bản sao giấy đăng ký phương tiện hoặc giấy hẹn nhận giấy đăng ký phương tiện bản chính của cơ quan có thẩm quyền.

Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải thì xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau đây: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã .

2. Trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp biển hiệu:

a) Đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 (một) bộ hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải nơi đơn vị kinh doanh đặt trụ sở hoặc trụ sở chi nhánh;

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc (đối với phương tiện là xe ô tô) và 07 ngày làm việc (đối với phương tiện thủy nội địa) kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền tổ chức thẩm định, cấp biển hiệu cho phương tiện vận tải khách du lịch. Trường hợp từ chối cấp phải thông báo bằng văn bản (hoặc qua email của đơn vị) cho đơn vị kinh doanh và nêu rõ lý do.

c) Sở Giao thông vận tải kiểm tra thông tin về: Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện (trong đó phải có

chức năng kinh doanh vận tải) trên hệ thống đăng kiểm Việt Nam; Giấy phép kinh doanh vận tải đã cấp cho đơn vị kinh doanh vận tải.

3. Mẫu biển hiệu quy định tại mẫu số 02 Phụ lục kèm theo Nghị định này và có giá trị 05 năm, có giá trị 05 năm và không quá niên hạn sử dụng còn lại của phương tiện.

### **Điều 19. Cấp đổi biển hiệu**

1. Các trường hợp cấp đổi biển hiệu

a) Phương tiện vận tải khách du lịch được chuyển nhượng cho đơn vị kinh doanh vận tải khác;

b) Trước khi biển hiệu hết hạn tối thiểu 10 ngày.

2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp đổi biển hiệu “Phương tiện vận tải khách du lịch” thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định này.

### **Điều 20. Cấp lại biển hiệu**

1. Đơn vị kinh doanh vận tải đề nghị cấp lại biển hiệu khi biển hiệu bị mất hoặc hư hỏng.

2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp lại biển hiệu:

a) Đơn vị kinh doanh vận tải gửi đơn đề nghị cấp lại biển hiệu theo mẫu số 01 Phụ lục kèm theo Nghị định này đến Sở Giao thông vận tải đã cấp biển hiệu cho phương tiện;

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp lại biển hiệu, Sở Giao thông vận tải xem xét, cấp lại biển hiệu cho phương tiện vận tải. Trường hợp từ chối cấp phải thông báo bằng văn bản (hoặc qua email của đơn vị) cho đơn vị kinh doanh và nêu rõ lý do.

3. Thời hạn sử dụng biển hiệu cấp lại được tính theo thời hạn còn lại của biển hiệu đã bị mất hoặc hư hỏng.

## **Mục 3**

### **LƯU TRÚ DU LỊCH**

#### **Điều 21. Các loại hình cơ sở lưu trú du lịch**

1. Khách sạn (hotel): cơ sở lưu trú du lịch được xây dựng thành khối, đảm bảo chất lượng về cơ sở vật chất, trang thiết bị và dịch vụ cần thiết phục vụ khách. Khách sạn bao gồm: khách sạn nghỉ dưỡng, khách sạn thành phố, khách sạn bên đường và khách sạn nổi.

2. Khách sạn nghỉ dưỡng (resort): cơ sở lưu trú du lịch được xây dựng thành khối hoặc thành quần thể các biệt thự, nhà thấp tầng, căn hộ, ở khu vực có cảnh quan thiên nhiên đẹp, không khí trong lành, thường gần biển, gần sông hoặc núi, đảm bảo chất lượng về cơ sở vật chất, trang thiết bị và dịch vụ cần thiết, phục vụ nhu cầu nghỉ dưỡng, giải trí, tham quan... của khách.

3. Khách sạn bên đường (motel): cơ sở lưu trú du lịch được xây dựng thành khối gần đường giao thông, có bãi đỗ xe nhằm phục vụ nhu cầu lưu trú của đối tượng khách du lịch sử dụng phương tiện giao thông đường bộ (xe máy, ô tô) đi du lịch hoặc nghỉ ngơi giữa những chặng đường dài của khách du lịch, đảm bảo chất lượng về cơ sở vật chất, trang thiết bị và dịch vụ cần thiết phục vụ khách.

4. Khách sạn nổi (floating hotel): cơ sở lưu trú du lịch neo đậu trên mặt nước hoặc có thể di chuyển khi cần thiết, đảm bảo chất lượng về cơ sở vật chất, trang thiết bị và dịch vụ cần thiết phục vụ khách.

5. Khách sạn thành phố: cơ sở lưu trú du lịch được xây dựng tại các đô thị phục vụ khách du lịch.

6. Nhà nghỉ du lịch (tourist guest house): cơ sở lưu trú có trang thiết bị, tiện nghi cần thiết phục vụ khách du lịch như khách sạn nhưng không đạt tiêu chuẩn xếp hạng khách sạn.

7. Biệt thự du lịch (tourist Villa): là biệt thự có trang thiết bị, tiện nghi cho khách du lịch thuê, có thể tự phục vụ trong thời gian lưu trú. Có từ ba biệt thự du lịch trở lên được gọi là cụm biệt thự du lịch.

8. Căn hộ du lịch: căn hộ nằm trong khu nhà có tối thiểu từ 5 căn hộ trở lên, có trang thiết bị, tiện nghi cần thiết phục vụ khách du lịch. Khách có thể tự phục vụ trong thời gian lưu trú

9. Nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (Homestay): nơi sinh sống của người sở hữu nhà hoặc sử dụng hợp pháp phòng nghỉ cho khách du lịch thuê, có trang thiết bị, tiện nghi cho khách du lịch thuê lưu trú, có thể có dịch vụ khác theo khả năng đáp ứng của chủ nhà. Khách cùng sinh hoạt với gia đình của chủ nhà, được trải nghiệm cuộc sống cộng đồng địa phương.

10. Bãi cắm trại du lịch (tourist camping site): khu vực được quy hoạch ở nơi có cảnh quan thiên nhiên đẹp, có kết cấu hạ tầng, có cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch và dịch vụ cần thiết phục vụ khách cắm trại.

11. Tàu thủy lưu trú du lịch (cruise ship): phương tiện thủy chở khách du lịch có buồng ngủ, trên hành trình có neo đậu cho khách ngủ qua đêm.

## **Điều 22. Điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ đối với khách sạn**

1. Điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật

a) Có tối thiểu 10 buồng ngủ;

b) Có hệ thống điện, hệ thống cấp nước sạch và thoát nước; có nơi đón tiếp, khu vệ sinh;

c) Buồng ngủ: có phòng ngủ và phòng tắm, vệ sinh. Phòng ngủ có thông gió, diện tích tối thiểu 12 m<sup>2</sup> đối với phòng một giường đơn, 15 m<sup>2</sup> đối với phòng một giường đôi hoặc hai giường đơn; có giường, đệm, chăn, gối, tủ quần áo, ổ cắm điện, đèn chiếu sáng, sọt đựng rác, chốt cửa an toàn. Phòng tắm, vệ sinh có vòi tắm, chậu rửa, bồn cầu, nước tắm nóng lạnh;

d) Có bếp và khu vực phục vụ ăn uống đối với khách sạn nghỉ dưỡng, khách sạn nội, khách sạn bên đường;

đ) Có nơi để xe cho khách đối với khách sạn nghỉ dưỡng và khách sạn bên đường;

e) Có sân vườn, cây xanh; mật độ xây dựng không quá 30% diện tích đối với khách sạn nghỉ dưỡng.

## 2. Điều kiện tối thiểu về dịch vụ

a) Có nhân viên trực 24/24h;

b) Vệ sinh buồng ngủ 1 ngày 1 lần khi có khách;

c) Thay ga, bọc đệm, bọc chăn, khăn mặt, khăn tắm khi có khách mới;

d) Có dịch vụ ăn uống đối với khách sạn nghỉ dưỡng, khách sạn nội, khách sạn bên đường.

## **Điều 23. Điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ đối với biệt thự du lịch**

### 1. Điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật

a) Có khu vực tiếp khách, bếp, phòng ngủ, phòng tắm, vệ sinh;

b) Có hệ thống điện, hệ thống cấp nước sạch và thoát nước;

c) Buồng ngủ: có phòng ngủ và phòng tắm, vệ sinh. Phòng ngủ có thông gió, diện tích tối thiểu 12 m<sup>2</sup> đối với phòng một giường đơn, 15 m<sup>2</sup> đối với phòng một giường đôi hoặc hai giường đơn; có giường, đệm, chăn, gối, tủ quần áo, ổ cắm điện, đèn chiếu sáng, sọt đựng rác, chốt cửa an toàn. Phòng tắm, vệ sinh có vòi tắm, chậu rửa, bồn cầu, nước tắm nóng lạnh;

d) Có nơi để xe trong khuôn viên biệt thự, có quầy lễ tân và phòng vệ sinh đối với cụm biệt thự.

### 2. Điều kiện tối thiểu về dịch vụ

a) Nhân viên trực 24/24h;

b) Vệ sinh buồng ngủ 1 ngày một lần;

c) Thay ga, bọc chăn, gối, khăn mặt, khăn tắm khi có khách mới.

## **Điều 24. Điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ đối với căn hộ du lịch**

### 1. Điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật

a) Có điện, nước sạch và hệ thống thoát nước;

b) Có phòng khách, phòng ngủ, bếp và phòng tắm, vệ sinh;

c) Phòng ngủ có thông gió, diện tích tối thiểu 12 m<sup>2</sup> đối với phòng một giường đơn, 15 m<sup>2</sup> đối với phòng một giường đôi hoặc hai giường đơn; có giường, đệm, chăn, gối, tủ quần áo, ổ cắm điện, đèn chiếu sáng, sọt đựng rác, chốt cửa an toàn. Phòng tắm, vệ sinh có vòi tắm, chậu rửa, bồn cầu, nước tắm nóng lạnh.

### 2. Điều kiện tối thiểu về dịch vụ

- a) Vệ sinh căn hộ 1 ngày 1 lần khi có khách;
- b) Thay ga, bọc chăn, gối, khăn mặt, khăn tắm khi có khách mới.

**Điều 25. Điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ đối với tàu thủy lưu trú du lịch**

1. Điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật

- a) Tàu trong tình trạng tốt, còn hạn đăng kiểm;
- b) Có áo phao, phao cứu sinh, phương tiện thông tin liên lạc, tủ thuốc cấp cứu ban đầu;
- c) Có khu vực đón tiếp khách, khu vực phục vụ ăn uống và chế biến món ăn; có phòng vệ sinh;
- d) Phòng ngủ (cabin) có giường, đệm, chăn, gối, tủ quần áo, ổ cắm điện, đèn chiếu sáng, sọt đựng rác, chốt cửa an toàn;
- đ) Có hệ thống lọc hoặc gom trữ, bơm thoát nước thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

2. Điều kiện tối thiểu về dịch vụ

- a) Có nhân viên trực 24/24h;
- b) Vệ sinh buồng ngủ 1 ngày 1 lần khi có khách;
- c) Thay ga, bọc chăn, gối, khăn mặt, khăn tắm khi có khách mới;
- d) Có dịch vụ ăn uống.

**Điều 26. Điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ đối với nhà nghỉ du lịch**

1. Điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật

- a) Có điện, nước sạch và hệ thống thoát nước;
- b) Có khu vực lễ tân, phòng ngủ, phòng tắm, vệ sinh;
- c) Phòng ngủ có thông gió, diện tích tối thiểu 12 m<sup>2</sup> đối với phòng một giường đơn, 15 m<sup>2</sup> đối với phòng một giường đôi hoặc hai giường đơn; có giường, đệm, chăn, gối, tủ quần áo, ổ cắm điện, đèn chiếu sáng, sọt đựng rác, chốt cửa an toàn. Phòng tắm, vệ sinh có vòi tắm, chậu rửa, bồn cầu;
- d) Trường hợp phòng ngủ không có phòng tắm, vệ sinh riêng, tối thiểu 10 khách có 01 khu tắm và vệ sinh chung.

2. Điều kiện tối thiểu về dịch vụ

- a) Có nhân viên trực 24/24h;
- b) Vệ sinh buồng ngủ 1 ngày 1 lần khi có khách;
- c) Thay ga, bọc chăn, gối, khăn mặt, khăn tắm khi có khách mới

**Điều 27. Điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ đối với nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê**

1. Điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật

- a) Có đèn chiếu sáng, nước sạch; có khu vực sinh hoạt chung, có bếp, phòng tắm, vệ sinh;

b) Có giường, đệm hoặc chiếu; có chăn, gối, màn, khăn tắm, cốc uống nước riêng cho khách.

2. Điều kiện tối thiểu về dịch vụ

a) Thay ga, bọc chăn, gối, chiếu, khăn mặt, khăn tắm khi có khách mới;

b) Dọn vệ sinh hàng ngày.

**Điều 28. Điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ đối với bãi cắm trại du lịch**

1. Điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật

a) Có khu vực đón tiếp, khu vực dựng lều, trại, đỗ xe, khu vực nhà tắm, nhà vệ sinh công cộng;

b) Có nguồn cung cấp nước sạch;

c) Có dụng cụ, trang thiết bị dựng lều trại; có tủ thuốc cấp cứu ban đầu

2. Điều kiện tối thiểu về dịch vụ

a) Có nhân viên bảo vệ;

b) Có dịch vụ vệ sinh môi trường;

c) Có dịch vụ cho thuê lều trại, trang thiết bị, dụng cụ sinh hoạt.

**Điều 29. Kiểm tra, giám sát điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật và dịch vụ của cơ sở lưu trú du lịch**

1. Cơ sở lưu trú du lịch có trách nhiệm gửi thông báo về thời điểm bắt đầu kinh doanh tới Sở Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nơi có cơ sở lưu trú du lịch.

2. Sở Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch nơi có cơ sở lưu trú du lịch tổ chức kiểm tra điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật và dịch vụ phục vụ khách du lịch theo kế hoạch, trừ trường hợp đột xuất theo quy định của pháp luật.

Trường hợp cơ sở lưu trú du lịch không đáp ứng điều kiện tối thiểu tương ứng với loại hình cơ sở lưu trú du lịch theo quy định tại Nghị định này, Sở Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch yêu cầu cơ sở lưu trú du lịch dừng hoạt động để bổ sung, hoàn thiện điều kiện tối thiểu. Cơ sở lưu trú du lịch chỉ được tiếp tục kinh doanh sau khi được Sở Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đủ điều kiện tối thiểu.

3. Trong trường hợp cơ sở lưu trú nộp hồ sơ đề nghị xếp hạng theo quy định tại Điều 50 Luật Du lịch cùng thời điểm bắt đầu hoạt động kinh doanh đón khách du lịch thì cơ quan có thẩm quyền chỉ thực hiện việc thẩm định, xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch theo quy định của Luật Du lịch.

4. Sở Du lịch, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện việc kiểm tra điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật và dịch vụ phục vụ khách du lịch trong trường hợp cần thiết.

## **CHƯƠNG VI**

### **QUỸ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DU LỊCH**

#### **Điều 30. Nguồn hình thành Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch**

1. Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch được hình thành từ các nguồn sau:

- a) Vốn điều lệ 300 tỷ đồng do Ngân sách nhà nước cấp trong 3 năm đầu tiên kể từ năm thành lập Quỹ;
- b) 10% tổng số thu ngân sách hàng năm từ phí thị thực xuất, nhập cảnh và các giấy tờ có liên quan đến xuất cảnh, nhập cảnh Việt Nam cho người nước ngoài;
- c) 05% tổng số thu ngân sách hàng năm từ phí tham quan khu du lịch, điểm du lịch;
- d) Nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện, hợp pháp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài;
- đ) Lãi suất ngân hàng của Quỹ;
- e) Các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Số dư kinh phí năm trước của Quỹ được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng.

## **Chương VII**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 31. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

2. Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch; Nghị định số 180/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

#### **Điều 32. Điều khoản chuyển tiếp**

Cơ sở lưu trú du lịch đã công nhận hạng theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước ngày Nghị định này có hiệu lực được công nhận là đáp ứng điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất kỹ thuật và dịch vụ phục vụ khách du lịch.

#### **Điều 33. Trách nhiệm thi hành**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

***Nơi nhận:***

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao; Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (3b).

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Xuân Phúc**



## PHỤ LỤC

(Kèm theo Nghị định số /2017/NĐ-CP  
ngày tháng năm 2017 của Chính phủ)

Mẫu 01

**TÊN ĐƠN VỊ KINH  
DOANH  
VẬN TẢI**  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

Số: ...../.....

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

### **ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP ĐỔI, CẤP LẠI BIÊN HIỆU PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI KHÁCH DU LỊCH**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải .....

Tên đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch: .....

Tên giao dịch quốc tế (nếu có): .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Trang thông tin điện tử .....

Số điện thoại: ..... Fax: ..... Email .....

Giấy phép kinh doanh vận tải số..... do..... cấp ngày...../...../.....

Lĩnh vực kinh doanh: .....

Phương tiện đề nghị cấp biển hiệu: ..... (danh sách phương tiện kèm theo)

*Đối với phương tiện vận tải là xe ô tô vận tải khách du lịch:*

TT	Tên hiệu xe	Màu sơn	Biển kiểm soát xe	Số khung	Số máy	Số chỗ ngồi	Năm SX
1							
2							
...							

*Đối với phương tiện vận tải là phương tiện thủy vận tải khách du lịch*

Số TT	Tên phương tiện	Số đăng ký	Sức chở của phương tiện (người)	Kích thước (chiều dài, chiều rộng, chiều chìm) (m)	Tổng công suất máy (sức ngựa)	Tốc độ tối đa (km/h)	Năm đóng
-------	-----------------	------------	---------------------------------	--	-------------------------------	----------------------	----------

1							
...							
...							

Các giấy tờ liên quan kèm theo:

- 1.....
- 2.....
- 3.....

Lý do đề nghị: (cấp mới, cấp lại, cấp đổi do mất hoặc hỏng).

Đơn vị kinh doanh cam kết chịu trách nhiệm về nội dung số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp biên hiệu đính kèm./.

**Nơi nhận:**

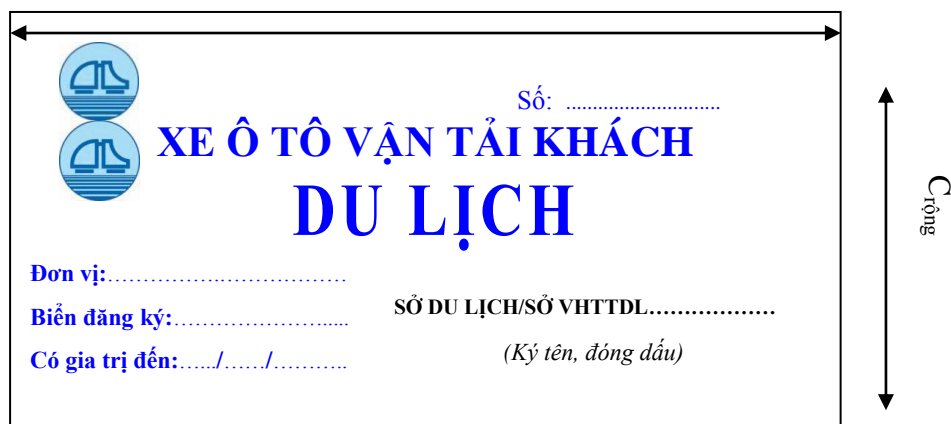
- Như trên;
- Lưu VT.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

**1. Mẫu biển hiệu**

**a) Biển hiệu ô tô vận tải khách du lịch:**



**b) Biển hiệu tàu thủy vận tải khách du lịch:**



**2. Kiểu (phông) chữ và cỡ chữ:**

Nội dung	Kiểu chữ	Chiều cao chữ (chưa có dấu)	Chiều rộng chữ
Số: .....	Times New Roman	Cỡ chữ 16 ± 18	
TÀU THỦY VẬN TẢI KHÁCH	Times New Roman, In hoa, kéo dẫn	8mm ± 2 mm	7mm ± 2 mm
DU LỊCH	Times New Roman In hoa, kéo dẫn	20mm ± 3mm	15mm ± 3mm



Đơn vị: Biển đăng ký: Có giá trị đến:	Times New Roman	Cỡ chữ 16 ± 18
---	--------------------	----------------

**3. Kích thước biển hiệu (tối thiểu), tỷ lệ này được thay đổi tùy thuộc kích thước từng loại tàu:**

Chiều dài:  $D_{\text{dài}} = 200\text{mm} \pm 20\text{mm}$ ;

Chiều cao:  $C_{\text{cao}} = 100\text{mm} \pm 15\text{mm}$ .

**4. Màu sắc biển hiệu:**

- a) Góc trên bên trái có Logo tròn trắng mái.
- b) Màu sắc biển hiệu: Viền đỏ, Chữ xanh đậm,

**5. Chất liệu biển hiệu:** Giấy cứng